TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THẠNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 153/2019/DS-ST.
Ngày: 29-01-2019.
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thuý Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bính Thân,

2. Bà Nguyễn Thị Nhơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương, Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số 302/2015/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2015 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 572/2018/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Quốc tế Việt Nam Jaccs** (Tên viết tắt: **CÔNG TY J**),

Trụ sở: Đường K, Phường aa, quận y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Mai Hùng C, sinh năm 1994, địa chỉ liên lạc: Đường K, Phường aa, quận y, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 947/2017/UQLM- Công ty J ngày 28 tháng 12 năm 2017) (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông **Trần Quan Lam P**, sinh năm 1961 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Đường T, Phường x, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH MTV J có ông Mai Hùng C làm đại diện trình bày:*

Ngày 02/12/2013, Công ty Tài chính TNHH MTV J (Sau đây viết bằng tên viết tắt: Công ty J) và ông Trần Quan Lam P có ký kết Hợp đồng số 900250000000167000 về việc cấp tín dụng tiêu dùng với hình thức cho vay tín chấp mua xe máy trả góp, số tiền vay là 30.000.000 đồng, trả góp hàng tháng tiền gốc và lãi là 1.436.309 đồng trong thời hạn 36 tháng kể từ ngày 12/01/2014, lãi suất vay trong hạn là 3,3%/tháng. Công ty J đã tiến hành giải ngân và ông Lam P đã ký Giấy nhận nợ ngày 02/12/2013.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 06/3/2015, ông P mới chỉ thanh toán được 20.155.701 đồng. Sau đó, ông P không tiếp tục thanh toán cho Công ty J mặc dù Công ty J đã nhiều lần nhắc nhở.

Do đó, Công ty Tài chính TNHH MTV J khởi kiện ông Trần Quan Lam P phải thanh toán làm một lần số tiền còn thiếu tổng cộng là 33.496.546 đồng, trong đó tiền gốc là 23.050.234 đồng và tiền lãi từ khi vi phạm đến ngày 29/3/2016 là 10.444.312 đồng, không yêu cầu tiền lãi từ ngày 30/3/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm, ông P phải tiếp tục thanh toán tiền lãi trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả nợ xong.

** Bị đơn ông Trần Quan Lam P:*

Ông Trần Quan Lam P đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, triệu tập để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào các ngày 20/11/2018 và 12/12/2018 nhưng ông P không đến làm việc và cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông Trần Quan Lam P.

** Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:*

Công ty Tài chính TNHH MTV J khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với ông Trần Quan Lam P có địa chỉ tại quận Bình Thạnh nên Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng theo quy định để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn, và bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét Công ty Tài chính TNHH MTV J khởi kiện ông Trần Quan Lam P yêu cầu thanh toán số tiền còn thiếu của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã giao kết, nên căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp dân sự liên quan đến giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án cấp huyện.

Tại kết quả trả lời Quyết định số 2315/2018/QĐ-CCTLCC ngày 24/10/2018, Công an Phường 7, quận Bình Thạnh xác định: *Đương sự Trần Quan Lam P, sinh năm 1961, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ Đường T, Phường x, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Hiện đang cư ngụ tại địa chỉ trên*. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Xét thấy bị đơn ông Trần Quan Lam P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng ông Phương vẫn vắng mặt tại phiên tòa được Tòa án triệu tập lần thứ hai mà không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Trần Quan Lam P.

[3] Nội dung yêu cầu khởi kiện:

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ yêu cầu khởi kiện ông Trần Quan Lam P đề nghị thanh toán làm một lần số tiền còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 900250000000167000 ngày 02/12/2013 tổng cộng là 33.496.546 đồng (Ba mươi ba triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm bốn mươi sáu đồng), trong đó tiền gốc là 23.050.234 đồng (Hai mươi ba triệu năm mươi ngàn hai trăm ba mươi bốn đồng), tiền lãi trong hạn là 10.444.213 đồng (Mười triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn hai trăm mười ba đồng) và tiền lãi tiếp tục phát sinh trên số tiền gốc còn thiếu theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả nợ xong, không yêu cầu tiền lãi từ ngày vi phạm nghĩa vụ đến ngày xét xử sơ thẩm.

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp cho doanh nghiệp có mã số 0309985680, Công ty Tài chính TNHH MTV J có chức năng hoạt động tín dụng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng vay tiêu dùng cá nhân ngày 02/12/2013 và

Giấy nhận nợ ngày 02/12/2013, Công ty J chấp nhận cho ông Trần Quan Lam P vay số tiền là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) với lãi suất 3,3%/tháng trong thời hạn 36 tháng, ông P có trách nhiệm trả góp cho Công ty J hàng tháng vào ngày 12 (Mười hai) số tiền là 1.436.309 đồng (bao gồm tiền gốc và tiền lãi), bắt đầu kỳ trả đầu tiên ngày 12/01/2014. Xét chủ thể ký kết, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật tại Điều 122, Điều 123, và Điều 124 Bộ luật Dân sự 33/2005/QH11 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên buộc các bên phải thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng.

Căn cứ Giấy nhận nợ ngày 02/12/2013, có đủ cơ sở xác định ông Trần Quan Lam P đã nhận được khoản tiền vay 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) từ Công ty J theo thỏa thuận hợp đồng. Trong thực tế, ông P đã thanh toán làm 16 (Mười sáu) lần nhưng không đúng hạn và không đúng số tiền phải thanh toán của từng kỳ theo thỏa thuận hợp đồng nên có đủ cơ sở buộc ông P phải thanh toán làm một lần toàn bộ nợ gốc còn thiếu và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng và lịch trả nợ.

Căn cứ thỏa thuận hợp đồng và lịch trả nợ, thứ tự ưu tiên thanh toán hàng tháng là tiền lãi phát sinh trên nợ gốc còn thiếu theo lãi suất 3,3%/tháng và một phần tiền gốc sao cho số tiền phải thanh toán hàng tháng là 1.436.309 đồng cho 35 kỳ đầu và số còn lại cho tháng 36 theo phương thức tiền gốc phải trả tăng dần và tiền lãi giảm dần, nên số tiền lãi trong hạn phải thanh toán của 36 kỳ (36 kỳ, có kỳ đầu tính ngay sau ngày giải ngân là ngày 02/12/2013 đến ngày 12/12/2016) tổng cộng là 23.400.915 đồng, tiền gốc là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Tổng số tiền mà ông P đã thanh toán là 20.155.701 đồng (Hai mươi triệu một trăm năm mươi lăm ngàn bảy trăm lẻ một đồng), trong đó tiền gốc là 6.949.766 đồng, tiền lãi trong hạn 13.169.669 đồng và tiền lãi quá hạn là 36.266 đồng. Do đó, số tiền mà ông P còn thiếu Công ty J là:

- Tiền gốc là: 30.000.000 đồng – 6.949.766 đồng = 23.050.234 đồng (Hai mươi ba triệu năm mươi ngàn hai trăm ba mươi bốn đồng);
- Tiền lãi là: 23.400.915 đồng – 13.169.669 đồng = 10.444.213 đồng (Mười triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn hai trăm mười ba đồng).

Xét tại phiên tòa, nguyên đơn không yêu cầu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày vi phạm cho đến ngày xét xử sơ thẩm là tự nguyện, có lợi cho người vay là ông Trần Quan Lam P nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của nguyên đơn. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy đủ cơ sở để chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu ông Trần Quan Lam P thanh toán làm một lần số tiền gốc còn thiếu là 23.050.234 đồng (Hai mươi ba triệu năm mươi ngàn hai trăm ba mươi bốn đồng) và tiền lãi là 10.444.213 đồng (Mười triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn hai trăm mười ba đồng), tổng cộng là 23.050.234 đồng +10.444.213

đồng = 33.496.546 đồng (Ba mươi ba triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm bốn mươi sáu đồng).

Tại phiên tòa, nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên tiền nợ gốc chưa trả theo lãi suất do hai bên thỏa thuận tại hợp đồng cho đến khi trả xong nợ kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm là 30/01/2019. Xét thấy yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận tại phần 6 của Các điều khoản và điều kiện khoản vay tiêu dùng cá nhân kèm theo hợp đồng và quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009, bị đơn ông Trần Quan Lam P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 33.496.546 đồng x 5% = 1.674.827 đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm hai mươi bảy đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 122, Điều 123, và Điều 124 Bộ luật Dân sự 33/2005/QH11; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của Công ty Tài chính TNHH MTV J.

Ông Trần Quan Lam P phải trả cho Công ty Tài chính TNHH MTV J làm một lần số tiền còn thiếu của Hợp đồng tín dụng số 900250000000167000 ngày 02/12/2013 tổng cộng là 33.496.546 đồng (Ba mươi ba triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn năm trăm bốn mươi sáu đồng), trong đó tiền gốc là 23.050.234 đồng (Hai mươi ba triệu năm mươi ngàn hai trăm ba mươi bốn đồng) và tiền lãi là 10.444.213 đồng (Mười triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn hai trăm mười ba đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của Công ty Tài chính TNHH MTV J không yêu cầu ông Trần Quan Lam P trả tiền lãi phát sinh từ ngày vi phạm cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Ông Trần Quan Lam P tiếp tục phải trả tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 900250000000167000 ngày 02/12/2013 trên số tiền gốc chưa thanh toán kể từ ngày 30/01/2019 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Án phí sơ thẩm:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự sơ thẩm là 1.674.827 đồng (Một triệu sáu trăm bảy mươi bốn ngàn tám trăm hai mươi bảy đồng) ông Trần Quan Lam P phải chịu.

2.2 Hoàn cho Công ty Tài chính TNHH MTV J số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 693.051 đồng (Sáu trăm chín mươi ba ngàn năm mươi mốt đồng) theo Biên lai số 0001587 ngày 12/6/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày (Mười lăm ngày), kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND TPHCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân